TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/4/2024
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đông Hà
2. Ông Võ Xuân Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2023 về việc Ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2024 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc D, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Thành Đ, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Ngọc C, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

(Nguyên đơn vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Bùi Ngọc D trình bày: Chị Bùi Ngọc D và anh Huỳnh Thành Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh chị đã ly thân với nhau. Nay chị Bùi Ngọc D yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thành Đ.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có nợ ai.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Thành Đ trình bày: Anh Huỳnh Thành Đ và vợ là Bùi Ngọc D kết hôn và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Anh chị đã ly thân. Nay chị Bùi Ngọc D yêu cầu ly hôn anh thống nhất.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản: Có 20 chỉ vàng 24k là vàng cưới cha mẹ cho, tấm lắc vàng 18k trọng lượng 05 chỉ do chị Bùi Ngọc D quản lý, 04 chỉ vàng 24 k (phần này mỗi người quản lý 02 chỉ). 01 chiếc xe máy Vision do chị Bùi Ngọc D đứng tên và chị Bùi Ngọc D đang quản lý.

Chị Bùi Ngọc D có mượn của bà Huỳnh Ngọc C là mẹ ruột của anh 01 chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 01 chỉ.

Nay anh yêu cầu chia đôi tài sản chung. Về vàng nợ mẹ anh thì vợ chồng cùng trả.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 anh Huỳnh Thành Đ rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06 tháng 3 năm 2024 bà Huỳnh Ngọc C trình bày: Bà là mẹ của anh Huỳnh Thành Đ. Khi cưới chị Bùi Ngọc D cho anh Huỳnh Thành Đ bà có cho anh Huỳnh Thành Đ và chị Bùi Ngọc D 20 chỉ vàng 24k. Đến khoảng tháng 11/2020 bà có mua cho chị Huỳnh Ngọc D1 01 xe máy hiệu Vision. Cuối năm 2020 bà có cho anh Huỳnh Thành Đ và chị Bùi Ngọc D 04 chỉ vàng 24k. Tháng 10/2021 bà có cho chị Huỳnh Ngọc D1 tấm lắc khoảng 04 chỉ vàng 18k. Cuối năm 2021 bà có cho chị Bùi Ngọc D mượn 01 chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 01 chỉ.

Nay anh Huỳnh Thành Đ và chị Bùi Ngọc D ly hôn bà chưa có yêu cầu anh Huỳnh Thành Đ và chị Bùi Ngọc D trả 01 chỉ vàng 18k mà bà cho mượn. Bà muốn thỏa thuận riêng với chị Bùi Ngọc D.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Ngọc D đã nộp cho Tòa án Chứng nhận kết hôn, bản sao căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh, đơn xin xác nhận.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Ngọc D vắng mặt, bị đơn anh Huỳnh Thành Đ thống nhất ly hôn và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Ngọc C không có yêu cầu đối với chị Bùi Ngọc D và anh Huỳnh Thành Đ.

Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Ngọc D được ly hôn với anh Huỳnh Thành Đ.

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Bùi Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Ngọc D theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Ngọc D và anh Huỳnh Thành Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để cho chị Bùi Ngọc D và anh Huỳnh Thành Đ hòa giải với nhau nhưng không mang lại kết quả. Anh Huỳnh Thành Đ thống nhất ly hôn với chị Bùi Ngọc D. Xét thấy hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện và phải có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của chị Bùi Ngọc D và anh Huỳnh Thành Đ đã phát sinh mâu thuẫn và không còn sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Tại phiên tòa anh Huỳnh Thành Đ vẫn thống nhất ly hôn, chị Bùi Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến giữa nguyên yêu cầu khởi kiện. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho chị Bùi Ngọc D và anh Huỳnh Thành Đ được ly hôn.

[3]. Về con chung: Không có nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Do các đương sự không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi có yêu cầu các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5]. Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án và được kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, 35, 39, 91, 271, 273, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Ngọc D, chị Bùi Ngọc D được ly hôn với anh Huỳnh Thành Đ.

- Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn chị Bùi Ngọc D phải nộp số tiền là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu tiền số 0008261 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, chị Bùi Ngọc D không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục TAHDS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã nơi ĐKKH;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cổng TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Quách Thị Mỹ Trúc